

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính Phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 24/TTr-BDT ngày 06/7/2015 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1083/TTr-SNV ngày 14/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước.



Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ: 03 bản;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, Phòng NC-NgV.
(Hành-QĐ 29-CCHC)₁₀₀

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước**
(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 31 /2015/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh*)

**Chương I
VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí

1. Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Ban Dân tộc) là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được dự toán kinh phí để hoạt động và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chức năng

Ban Dân tộc có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;

c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban Dân tộc; Trưởng, Phó Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là cấp huyện).

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện, thị xã chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Dân tộc:

a) Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban;

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, nhà nước về công tác cán bộ và theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Chính sách Dân tộc;

d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;

đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

Văn phòng có Chánh Văn phòng và có không quá hai (02) Phó Chánh Văn phòng; mỗi phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng và có không quá hai (02) Phó Trưởng phòng; Thanh tra Ban Dân tộc có Chánh Thanh tra và có không quá hai (02) Phó Chánh Thanh tra.

Chức vụ Chánh Văn phòng, Trưởng phòng do Trưởng ban bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có văn bản thỏa thuận của Giám đốc Sở Nội vụ; chức vụ Chánh Thanh tra Ban Dân tộc do Trưởng ban bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có văn bản thỏa thuận của Chánh Thanh tra tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ. Các chức vụ Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng và Phó Chánh Thanh tra do Trưởng ban bổ nhiệm theo trình tự thủ tục quy định.

Điều 5. Biên chế

Biên chế công chức của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Ban Dân tộc làm việc theo chế độ thủ trưởng, Trưởng ban quyết định mọi vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc và là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc, đồng

thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban Dân tộc về các lĩnh vực công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc.

2. Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, được Trưởng ban phân công phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm Trưởng ban, đồng thời cùng Trưởng ban liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban Dân tộc.

3. Trưởng phòng và tương đương chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về toàn bộ công việc được phân công phụ trách của phòng. Phó Trưởng phòng và tương đương giúp việc Trưởng phòng, được Trưởng phòng phân công phụ trách một số mặt công tác và được ủy quyền điều hành công việc của phòng khi Trưởng phòng vắng mặt.

4. Ban Dân tộc đảm bảo chế độ họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, năm để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của tuần, tháng, quý, năm và đề ra kế hoạch công tác tiếp theo. Đồng thời, tổ chức các cuộc họp đột xuất để phổ biến, triển khai các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc giao. Hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc về tình hình hoạt động của ngành tại địa phương, đồng thời kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc của ngành nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác được giao.

Chương IV **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 7. Mối quan hệ công tác của Ban Dân tộc

1. Đối với Ủy ban Dân tộc:

Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc; Trưởng ban có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn của Ban Dân tộc tại địa phương với Ủy ban Dân tộc theo định kỳ và yêu cầu đột xuất.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trưởng Ban phải thường xuyên báo cáo công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định và yêu cầu đột xuất. Trước khi thực hiện chủ trương chính sách của các Bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan đến chương trình công tác, kế hoạch chung của tỉnh, Trưởng ban phải xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các sở, ban, ngành:

Ban Dân tộc xây dựng các mối quan hệ phối hợp công tác chặt chẽ với các sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có quyền đề nghị các sở, ban, ngành báo cáo tình hình và các vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực mà Ban Dân tộc quản lý bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.



4. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

Ban Dân tộc tăng cường mối quan hệ với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý, cùng nhau giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp có những vấn đề chưa nhất trí, các bên xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối với Phòng Dân tộc và bộ phận phụ trách công tác dân tộc cấp huyện:

Ban Dân tộc có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành đối với Phòng Dân tộc và bộ phận phụ trách công tác dân tộc cấp huyện; Phòng Dân tộc và bộ phận phụ trách công tác dân tộc cấp huyện phải báo cáo với Ban Dân tộc tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn theo chế độ báo cáo định kỳ và yêu cầu đột xuất.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ các quy định của pháp luật và Quy định này, Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm ban hành Quy chế làm việc của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

2. Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân tộc. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH *lsh*



raup
Nguyễn Văn Trâm